

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-ST

Ngày 21-5-2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ và bà Trần Thị Lê Na.

-Thư ký phiên tòa:

Ông Phạm Quang Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thắng Trinh, là Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 331/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

-Bà Đặng Thị A, sinh năm 1966; địa chỉ: Số nhà 268, đường H, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai; do ông Lê Đức Th, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 11, đường Trần Khánh Dư, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai, làm đại diện (theo Giấy ủy quyền được công chứng tại Văn phòng Công chứng Trần V, huyện Đ, ngày 21/12/2019, số: 2162, quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1977; nơi cư trú hiện nay: Số nhà 1508, đường Tr, tổ 6, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai (địa chỉ cũ: Hẻm số 258, đường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2019, nguyên đơn trình bày: Do quen biết từ trước, nên vào ngày 16/3/2009 âm lịch (tức là ngày 10/4/2009 dương lịch), bà Trần Thị Ng có đến nhà và vay của bà Đặng Thị A số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận, và cam kết khi bà A cần lấy lại tiền thì báo trước cho bà Ng 03 ngày thì bà Ng sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền cho bà A; có viết giấy vay tiền giao cho bà A giữ. Vì cần tiền nên bà A đã đến nhà bà Ng và yêu cầu bà Ng hoàn trả lại số tiền 150.000.000 đồng cho bà A, nhưng bà Ng cứ hẹn hết lần này đến lần khác mà không trả, nên bà A làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Ng phải trả nợ cho bà A số tiền 150.000.000 đồng.

Bản tự khai ngày 23/12/2019, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Lê Đức Th trình bày thống nhất như nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên họp hòa giải ngày 18/02/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Lê Đức Th trình bày: Ngày 10/4/2009, bà Trần Thị Ng có vay của bà Đặng Thị A số tiền 150.000.000 đồng, nhưng đã trả được 80.000.000 đồng, hiện còn nợ 70.000.000 đồng, và yêu cầu Tòa án buộc bà Ng phải trả cho bà A số tiền còn nợ là 70.000.000 đồng.

Bị đơn là bà Trần Thị Ng trình bày tại các Đơn phản hồi, đề ngày 06/01/2010 và 06/02/2020: Bà Ng không biết bà Đặng Thị A là bà nào, và bà Ng không viết giấy vay tiền với bà A nên yêu cầu Tòa án làm rõ.

Đơn phản hồi đề ngày 11/02/2020, bị đơn bà Trần Thị Ng trình bày: Chồng bà Ng là ông Đỗ Xuân Ch có quen biết với ông T là chồng của bà A. Ông T khi đó là Cảnh sát Giao thông thành phố P, ông Ch là lái xe cầu. Ông T đã ngỏ lời gửi ông Ch 150.000.000 đồng, đã thỏa thuận lãi suất, ăn chia số tiền trên. Sau khi thống nhất, ông T yêu cầu ông Ch chở bà Ng lên nhận tiền và ông T đã giao cho Ng số tiền trên tại ngã ba đường Hoàng Hoa Thám – Hai bà Trưng, rồi yêu cầu bà Ng viết giấy vay tiền ghi tên người vay là bà Ng. Sau khi nhận tiền xong, ông Ch đã đưa cho ông T nhiều lần, làm biển số xe cho ông T đủ và dư số tiền trên. Trước khi ông T chuyển công tác lên tỉnh, thì ông Ch có nói ông T hủy giấy vay tiền tên bà Đặng Thị A. Một thời gian sau, ông T có xuống nhà bà Ng, bảo ông Ch đưa thêm tiền, ông Ch đồng ý nói đưa thêm nhưng không nói là bao nhiêu. Ngày 15/5/2016, ông T nói lấy thêm 70.000.000 đồng. Vì tình nghĩa anh em, ông Ch đồng ý đưa thêm số tiền 70.000.000 đồng. Thời gian sau đó gia đình bà Ng gặp rất nhiều khó khăn trong chuyện làm ăn kinh tế, không có tiền để đưa cho ông T nên đã hứa nhiều lần, nhưng vẫn không có tiền để trả cho ông T. Nên có trả thì vợ chồng bà Ng chỉ trả 70.000.000 đồng, theo như ông T nhắn tin cho ông Ch.

Tại phiên họp hòa giải ngày 18/02/2020, bà Ng có lời trình bày thống nhất với nội dung Đơn phản hồi đề ngày 11/02/2020 như đã nêu trên, và đã thừa nhận: Hiện nay bà Trần Thị Ng còn nợ bà Đặng Thị A số tiền 70.000.000 đồng, nhưng không thống nhất được phương thức trả nợ.

Tại Biên bản lấy lời khai, ngày 08/5/2020, bà Trần Thị Ng khai như sau: Số tiền bà A khởi kiện tôi như trên là số tiền nợ riêng của cá nhân tôi, chứ chồng tôi là Đỗ Xuân Ch không liên quan gì đến số tiền mà bà A đang khởi kiện. Hiện nay bà Ng còn nợ bà Ân số tiền 70.000.000 đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai, ngày 04/3/2020, ông Võ Đình T khai như sau: Số tiền 70.000.000 đồng hiện nay bà Ng đang nợ bà A như đã nêu trên là tiền riêng của vợ tôi (Đặng Thị A). Tôi không liên quan đến số tiền 70.000.000 đồng nêu trên, nên tôi từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ tôi.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả 80.000.000 đồng trong tổng số tiền yêu cầu là 150.000.000 đồng, và chỉ buộc bị đơn là bà Trần Thị Ng phải trả cho nguyên đơn là bà Đặng Thị A số tiền 70.000.000 đồng, nhưng không yêu cầu trả lãi suất chậm trả.

- Bị đơn là bà Trần Thị Ng thống nhất với nội dung của nguyên đơn về số tiền bị đơn hiện nay còn nợ nguyên đơn 70.000.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên bị đơn là bà Trần Thị Ng xin được trả dần hằng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng vào ngày 20 hằng tháng đến khi hết nợ.

-Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; bị đơn là bà Trần Thị Ng có địa chỉ tại thành phố P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân thành phố P theo lãnh thổ và cấp xét xử.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, việc cấp và tổng đạt các giấy tờ cho Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đặng Thị A, buộc bị đơn là bà Trần Thị Ng phải trả cho bà Đặng Thị A số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả nợ tiền theo Giấy vay tiền. Vì vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Bị đơn là bà Trần Thị Ng có địa chỉ cư trú tại thành phố P, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo lãnh thổ và cấp xét xử quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình tố tụng vụ án và tại phiên tòa hôm nay đã xác định rõ được quan hệ vay tài sản là tiền do nguyên đơn bà Đặng Thị A khởi kiện, chỉ có bà Ân và bà Trần Thị Ng thực hiện. Chồng bà A là ông Võ Đình T và chồng bà Ng là ông Đỗ Xuân Ch không liên quan đến số tiền đang tranh chấp, nên Tòa án không đưa ông T và ông Ch vào tham gia tố tụng.

[4] Chứng cứ gốc do nguyên đơn là bà Đặng Thị A cung cấp cho Tòa án, gồm: 01 “*Giấy vay tiền*” đề ngày 16/3/2009 âm lịch, có chữ ký của người vay là bà Trần Thị Ng, số tiền vay là 150.000.000 đồng, không lãi suất, không kỳ hạn.

Bị đơn là bà Trần Thị Ng công nhận giấy vay tiền nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là do bà Ng viết, ký.

[5] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả 80.000.000 đồng trong tổng số tiền yêu cầu là 150.000.000 đồng, nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đương sự đã rút.

[6] Đơn phản hồi của bà Ng viết ngày 11/02/2020, phù hợp với lời trình bày của bà Ng trong phiên hòa giải ngày 18/02/2020. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là Trần Thị Ng tiếp tục công nhận hiện nay bà Ng còn nợ bà A số tiền 70.000.000 đồng và xin được trả nợ dần.

Từ những căn cứ và nhận định tại các luận điểm [3] đến [6] nêu trên đã đủ cơ sở khẳng định: Ngày 16/3/2009 âm lịch (tức là ngày 10/4/2009 dương lịch), bà Trần Thị Ng có vay của bà Đặng Thị A số tiền 150.000.000 đồng, nhưng đã trả được 80.000.000 đồng và còn nợ 70.000.000 đồng. Giấy vay tiền không thỏa thuận lãi vay, không ghi thời hạn trả nợ, nên đây là Hợp đồng vay không kỳ hạn, không lãi, được quy định tại Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự. Theo đó, bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý. Trong Đơn phản hồi, ngày 11/02/2020, bà Trần Thị Ng trình bày: *Thời gian sau đó gia đình bà Ng gặp rất nhiều khó khăn trong chuyện làm ăn kinh tế, không có tiền để đưa cho ông T, nên đã hứa nhiều lần, nhưng vẫn không có tiền để trả cho ông T.* Như vậy, trên thực tế thì khi bà Ng vay tiền của bà A là có ông T biết, nhưng ông T tự khẳng định mình không liên quan và đã từ chối tham gia tố tụng, nên việc hứa trả nợ tiền cho bà A thông qua ông T là có thật. Từ đó cùng đã đủ căn cứ khẳng định bà A đã báo trước cho bà Ng về thời gian trả nợ tiền, nên bà Ng mới hứa trả nợ như đã phân tích ở trên. Do không trả tiền theo lời hứa, nên bà Ng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền đối với bà A. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị A là có cơ sở và được Tòa án chấp nhận.

[7] Hợp đồng vay tài sản không có lãi suất, và nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất chậm trả nên không xét đến phần lãi.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn là bà Trần Thị Ng phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào các Điều: 26, 35, 39, 91, 144, 147, 235, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

-Áp dụng các Điều: 275, 278, 280, 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu của nguyên đơn là bà Đặng Thị A đã rút, đối với yêu cầu buộc bị đơn bà Trần Thị Ng phải trả số tiền 80.000.000 đồng trong tổng số tiền đã vay là 150.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đặng Thị A.

3. Buộc bà Trần Thị Ng phải trả số tiền: 70.000.000 (bằng chữ: Bảy mươi triệu) đồng cho bà Đặng Thị A.

4. Nghĩa vụ chịu lãi do chậm thanh toán: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn là bà Trần Thị Ng phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 3.500.000 (bằng chữ: Ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bà Đặng Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho bà Đặng Thị A số tiền 3.750.000 (bằng chữ: Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai số: 0002133 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

6. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Người kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Báo cho: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (21-5-2020).

Nơi nhận:

- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS TP.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thương